



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số

/TTr-UBND

ĐỀ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày

tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề án xếp đơn vị hành chính cấp xã

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính¹ năm 2025; Nghị quyết số 74NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

UBND thành phố Cần Thơ kính trình HĐND thành phố Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

1. Thành phố Cần Thơ hiện có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt và 04 huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai, Phong Điền; có 80 ĐVHC cấp xã (36 xã, 39 phường và 5 thị trấn). Đối chiếu thực trạng các ĐVHC trên địa bàn thành phố với các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; căn cứ các quy định có liên quan và các số liệu diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến 31 tháng 12 năm 2024, thành phố Cần Thơ gồm có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn) thuộc diện thực hiện sắp xếp. Trong đó, có 03 xã đã đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

2. Để thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định của Nhà nước, UBND thành phố Cần Thơ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã có ý nghĩa vô cùng cấp thiết cả về mặt lý luận, chủ trương của Đảng, Nhà nước và thực tiễn nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC cấp xã của thành phố phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển chung của cả nước; đảm bảo hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng

¹ Các từ được viết tắt: ĐVHC: Đơn vị hành chính. HĐND: Hội đồng nhân dân. UBND: Ủy ban nhân dân.

đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, giảm chi ngân sách; dân số và diện tích của ĐVHC phù hợp với quy định; phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

I. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Nhằm ban hành Nghị quyết về việc tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ, tổ chức sắp xếp ĐVHC các cấp đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giảm chi ngân sách, tập trung nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết đảm bảo theo Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết về việc tán thành chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

Việc sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết đảm bảo theo Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

UBND thành phố đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các quận, huyện xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định của Trung ương; có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức lấy ý kiến cử tri,

gửi Đề án đến HĐND cấp xã, cấp huyện thông qua theo quy định pháp luật. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến cử tri, ý kiến tán thành của HĐND cấp huyện, cấp xã của các địa phương có liên quan; UBND thành phố Cần Thơ trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; trình HĐND thành phố thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định pháp luật.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

1. UBND thành phố trình HĐND thành phố Nghị quyết tán thành chủ trương thực hiện sắp xếp, sáp nhập 80 đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ để thành lập 32 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 16 phường và 16 xã), cụ thể:

(1) Sáp nhập phường Tân An, phường Thới Bình, phường Xuân Khánh (quận Ninh Kiều), lấy tên là phường Ninh Kiều; nơi đặt trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều hiện nay.

(2) Sáp nhập phường An Hòa, phường Cái Khế (quận Ninh Kiều) và một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Cái Khế; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa hiện nay.

(3) Sáp nhập phường Hưng Lợi, phường An Khánh (quận Ninh Kiều), lấy tên là phường Tân An; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi hiện nay.

(4) Sáp nhập phường An Bình (quận Ninh Kiều), xã Mỹ Khánh (huyện Phong Điền) và một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (thuộc quận Bình Thủy), lấy tên là phường An Bình; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường An Bình hiện nay.

(5) Sáp nhập phường Bình Thủy, phường Bùi Hữu Nghĩa (sau khi điều chỉnh một phần diện tích, dân số về phường Cái Khế), phường An Thới (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Bình Thủy; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy hiện nay.

(6) Sáp nhập phường Long Tuyền (sau khi điều chỉnh một phần diện tích, dân số về phường An Bình), phường Long Hòa (quận Bình Thủy), lấy tên là

phường Long Tuyền; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Long Tuyền hiện nay.

(7) Sáp nhập phường Trà An, phường Thới An Đông, phường Trà Nóc (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Thới An Đông; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông hiện nay.

(8) Sáp nhập phường Lê Bình, phường Ba Láng, phường Hưng Thạnh, phường Thường Thạnh (quận Cái Răng), lấy tên là phường Cái Răng; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận Cái Răng (cũ).

(9) Sáp nhập phường Phú Thứ, phường Tân Phú, phường Hưng Phú (quận Cái Răng), lấy tên là phường Hưng Phú; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Cái Răng hiện nay.

(10) Sáp nhập phường Thới Long, phường Long Hưng (quận Ô Môn), phường Tân Hưng (quận Thốt Nốt), lấy tên là phường Thới Long; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng hiện nay.

(11) Sáp nhập phường Phước Thới, phường Trường Lạc (quận Ô Môn), lấy tên là phường Phước Thới; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Phước Thới hiện nay.

(12) Sáp nhập phường Thới An, phường Châu Văn Liêm, phường Thới Hòa (quận Ô Môn), xã Thới Thạnh (huyện Thới Lai), lấy tên là phường Ô Môn; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Ô Môn hiện nay.

(13) Sáp nhập phường Thạnh Hòa, phường Trung Nhứt (quận Thốt Nốt), xã Trung An (huyện Cờ Đỏ), lấy tên là phường Trung Nhứt; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Thạnh Hòa hiện nay.

(14) Sáp nhập phường Thốt Nốt (sau khi điều chỉnh một phần diện tích, dân số về phường Thuận Hưng), phường Thuận An, phường Thới Thuận (quận Thốt Nốt), lấy tên là phường Thốt Nốt; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Quận ủy Thốt Nốt hiện nay.

(15) Sáp nhập phường Trung Kiên, phường Thuận Hưng (quận Thốt Nốt) và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người của phường Thốt Nốt (quận Thốt Nốt), lấy tên là phường Thuận Hưng; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt hiện nay.

(16) Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở giữ nguyên trạng phường Tân Lộc (quận Thốt Nốt); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc hiện nay.

(17) Sáp nhập xã Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Ái (huyện Phong Điền), lấy tên là xã Nhơn Ái; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa hiện nay.

(18) Sáp nhập thị trấn Phong Điền, xã Tân Thới, xã Giai Xuân (huyện Phong Điền), lấy tên là xã Phong Điền; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Huyện ủy Phong Điền hiện nay.

(19) Thành lập xã Trường Long trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Trường Long (huyện Phong Điền); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long hiện nay.

(20) Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Thạnh Phú (huyện Cờ Đỏ); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú hiện nay.

(21) Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Thới Hưng (huyện Cờ Đỏ); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng hiện nay.

(22) Sáp nhập thị trấn Cờ Đỏ, xã Thới Đông, xã Thới Xuân (huyện Cờ Đỏ), lấy tên là xã Cờ Đỏ; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Huyện ủy Cờ Đỏ hiện nay.

(23) Sáp nhập xã Đông Hiệp, xã Đông Thắng (huyện Cờ Đỏ), xã Xuân Thắng (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Đông Hiệp; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp hiện nay.

(24) Sáp nhập xã Trung Hưng, xã Trung Thạnh (huyện Cờ Đỏ) lấy tên là xã Trung Hưng; nơi đặt tại trụ sở tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng hiện nay.

(25) Sáp nhập thị trấn Thới Lai, xã Thới Tân, xã Trường Thắng (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Thới Lai; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Huyện ủy Thới Lai hiện nay.

(26) Sáp nhập xã Đông Thuận, xã Đông Bình (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Đông Thuận; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận hiện nay.

(27) Sáp nhập xã Trường Xuân, xã Trường Xuân A, xã Trường Xuân B (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Trường Xuân; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân hiện nay.

(28) Sáp nhập xã Định Môn, xã Tân Thạnh, xã Trường Thành (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Định Môn; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Định Môn hiện nay.

(29) Sáp nhập thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Thạnh Mỹ, xã Thạnh Lộc (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Vĩnh Thạnh; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

(30) Sáp nhập xã Thạnh An, xã Thạnh Quới, xã Thạnh Tiến (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Thạnh Quới; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới hiện nay.

(31) Sáp nhập xã Vĩnh Trinh, xã Vĩnh Bình (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Vĩnh Trinh; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh hiện nay.

(32) Sáp nhập thị trấn Thạnh An, xã Thạnh Thắng, xã Thạnh Lợi (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Thạnh An; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh An hiện nay.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ còn 32 ĐVHC cấp xã (gồm 16 phường, 16 xã).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: thành phố Cần Thơ giảm 48 ĐVHC cấp xã. Trong đó: có 17 xã, 22 phường, 05 thị trấn; có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã²) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

Trên đây là Tờ trình Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, thông qua theo quy định./.

(Đính kèm hồ sơ Nghị quyết của HĐND thành phố)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT, TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Sở Nội vụ;
- UBND quận Ninh Kiều;
- VP UBND TP (2AC,3AE);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Cảnh Tuyên

² Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

Số: /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÒA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày.... tháng..... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc trình Hội đồng nhân dân thành phố chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương thực hiện sắp xếp, sáp nhập 80 đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ để thành lập 32 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 16 phường và 16 xã), cụ thể:

(1) Sáp nhập phường Tân An, phường Thới Bình, phường Xuân Khánh (quận Ninh Kiều), lấy tên là phường Ninh Kiều; nơi đặt trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều hiện nay.

(2) Sáp nhập phường An Hòa, phường Cái Khế (quận Ninh Kiều) và một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi

Hữu Nghĩa (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Cái Khế; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường An Hòa hiện nay.

(3) Sáp nhập phường Hưng Lợi, phường An Khánh (quận Ninh Kiều), lấy tên là phường Tân An; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi hiện nay.

(4) Sáp nhập phường An Bình (quận Ninh Kiều), xã Mỹ Khánh (huyện Phong Điền) và một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (thuộc quận Bình Thủy), lấy tên là phường An Bình; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường An Bình hiện nay.

(5) Sáp nhập phường Bình Thủy, phường Bùi Hữu Nghĩa (sau khi điều chỉnh một phần diện tích, dân số về phường Cái Khế), phường An Thới (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Bình Thủy; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy hiện nay.

(6) Sáp nhập phường Long Tuyền (sau khi điều chỉnh một phần diện tích, dân số về phường An Bình), phường Long Hòa (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Long Tuyền; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Long Tuyền hiện nay.

(7) Sáp nhập phường Trà An, phường Thới An Đông, phường Trà Nóc (quận Bình Thủy), lấy tên là phường Thới An Đông; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông hiện nay.

(8) Sáp nhập phường Lê Bình, phường Ba Láng, phường Hưng Thạnh, phường Thường Thạnh (quận Cái Răng), lấy tên là phường Cái Răng; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận Cái Răng (cũ).

(9) Sáp nhập phường Phú Thứ, phường Tân Phú, phường Hưng Phú (quận Cái Răng), lấy tên là phường Hưng Phú; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Cái Răng hiện nay.

(10) Sáp nhập phường Thới Long, phường Long Hưng (quận Ô Môn), phường Tân Hưng (quận Thốt Nốt), lấy tên là phường Thới Long; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng hiện nay.

(11) Sáp nhập phường Phước Thới, phường Trường Lạc (quận Ô Môn), lấy tên là phường Phước Thới; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Phước Thới hiện nay.

(12) Sáp nhập phường Thới An, phường Châu Văn Liêm, phường Thới Hòa (quận Ô Môn), xã Thới Thạnh (huyện Thới Lai), lấy tên là phường Ô Môn; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Ô Môn hiện nay.

(13) Sáp nhập phường Thạnh Hòa, phường Trung Nhứt (quận Thốt Nốt), xã Trung An (huyện Cờ Đỏ), lấy tên là phường Trung Nhứt; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Thạnh Hòa hiện nay.

(14) Sáp nhập phường Thốt Nốt (sau khi điều chỉnh một phần diện tích, dân số về phường Thuận Hưng), phường Thuận An, phường Thới Thuận (quận

Thốt Nốt), lấy tên là phường Thốt Nốt; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Quận ủy Thốt Nốt hiện nay.

(15) Sáp nhập phường Trung Kiên, phường Thuận Hưng (quận Thốt Nốt) và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người của phường Thốt Nốt (quận Thốt Nốt), lấy tên là phường Thuận Hưng; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt hiện nay.

(16) Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở giữ nguyên trạng phường Tân Lộc (quận Thốt Nốt); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Tân Lộc hiện nay.

(17) Sáp nhập xã Nhơn Nghĩa, xã Nhơn Ái (huyện Phong Điền), lấy tên là xã Nhơn Ái; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa hiện nay.

(18) Sáp nhập thị trấn Phong Điền, xã Tân Thới, xã Giai Xuân (huyện Phong Điền), lấy tên là xã Phong Điền; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Huyện ủy Phong Điền hiện nay.

(19) Thành lập xã Trường Long trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Trường Long (huyện Phong Điền); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Trường Long hiện nay.

(20) Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Thạnh Phú (huyện Cờ Đỏ); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú hiện nay.

(21) Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở giữ nguyên trạng xã Thới Hưng (huyện Cờ Đỏ); nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Thới Hưng hiện nay.

(22) Sáp nhập thị trấn Cờ Đỏ, xã Thới Đông, xã Thới Xuân (huyện Cờ Đỏ), lấy tên là xã Cờ Đỏ; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Huyện ủy Cờ Đỏ hiện nay.

(23) Sáp nhập xã Đông Hiệp, xã Đông Thắng (huyện Cờ Đỏ), xã Xuân Thắng (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Đông Hiệp; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp hiện nay.

(24) Sáp nhập xã Trung Hưng, xã Trung Thạnh (huyện Cờ Đỏ) lấy tên là xã Trung Hưng; nơi đặt tại trụ sở tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng hiện nay.

(25) Sáp nhập thị trấn Thới Lai, xã Thới Tân, xã Trường Thắng (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Thới Lai; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Huyện ủy Thới Lai hiện nay.

(26) Sáp nhập xã Đông Thuận, xã Đông Bình (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Đông Thuận; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thuận hiện nay.

(27) Sáp nhập xã Trường Xuân, xã Trường Xuân A, xã Trường Xuân B (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Trường Xuân; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân hiện nay.

(28) Sáp nhập xã Định Môn, xã Tân Thạnh, xã Trường Thành (huyện Thới Lai), lấy tên là xã Định Môn; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Định Môn hiện nay.

(29) Sáp nhập thị trấn Vĩnh Thạnh, xã Thạnh Mỹ, xã Thạnh Lộc (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Vĩnh Thạnh; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

(30) Sáp nhập xã Thạnh An, xã Thạnh Quới, xã Thạnh Tiến (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Thạnh Quới; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới hiện nay.

(31) Sáp nhập xã Vĩnh Trinh, xã Vĩnh Bình (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Vĩnh Trinh; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trinh hiện nay.

(32) Sáp nhập thị trấn Thạnh An, xã Thạnh Thắng, xã Thạnh Lợi (huyện Vĩnh Thạnh), lấy tên là xã Thạnh An; nơi đặt tại trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh An hiện nay.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện hồ sơ đề án theo quy định để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ hai mươi (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, quận, huyện;
- TT. Công báo, TT. Lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT.HĐ.250.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiếu

Số: /ĐA-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã năm 2025, như sau:

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ

Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025

1. Thành phố Cần Thơ được thành lập ngày 01 tháng 01 năm 2004 và được công nhận là đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào ngày 24 tháng 6 năm 2009. Thành phố Cần Thơ nằm ở vùng hạ lưu của Sông Mê Kông và ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), phía Bắc giáp tỉnh An Giang, phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long, phía Nam giáp tỉnh Hậu Giang, phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang; có tổng diện tích tự nhiên: 1.440,40 km² và quy mô dân số¹: 1.498.658 người. Trong đó: dân số thực tế thường trú có 1.360.126 người, dân số tạm trú quy đổi có 138.532 người.

2. Theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định: xây dựng và phát triển Cần Thơ thành thành phố trung tâm vùng, sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc sông nước vùng ĐBSCL là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh. Đây là nhiệm vụ không chỉ của riêng Cần Thơ mà còn là nhiệm vụ của cả vùng ĐBSCL và cả nước, trong đó xác định nguồn lực nội tại của Cần Thơ là chủ lực, nguồn lực Trung ương có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy nhanh sự phát triển của thành phố Cần Thơ.

3. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng thành phố Cần Thơ cơ bản trở thành thành phố công nghiệp, hiện đại, ngoài các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng, vấn đề sắp xếp, ổn định lâu dài hệ thống ĐVHC các cấp của thành phố được đặt ra là một nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ

¹ Theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 189/CATP-QLHC ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, đối với chính quyền địa phương từng bước thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại ĐVHC cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Thành phố Cần Thơ hiện có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt và 04 huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai, Phong Điền; có 80 ĐVHC cấp xã (36 xã, 39 phường và 05 thị trấn). Đối chiếu thực trạng các ĐVHC trên địa bàn thành phố với các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 và các số liệu diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến 31 tháng 12 năm 2024, thành phố Cần Thơ gồm có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn) thuộc diện thực hiện sắp xếp. Trong đó, có 03 xã đã đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

5. Để thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định của Nhà nước, UBND thành phố Cần Thơ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025 có ý nghĩa vô cùng cấp thiết cả về mặt lý luận, chủ trương của Đảng, Nhà nước và thực tiễn nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC cấp xã của thành phố phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển chung của cả nước; đảm bảo hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức (CBCCVC) được nâng lên, giảm chi ngân sách; dân số và diện tích của ĐVHC phù hợp với quy định; phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Tỉnh (thành phố)

a) Diện tích tự nhiên²: 1440,40 km²;

b) Quy mô dân số³: 1.498.658 người. Trong đó: dân số thực tế thường trú

² Theo nguồn số liệu thống kê đất đai tính đến 31 tháng 12 năm 2024 do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp.

³ Theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp.

có 1.360.126 người, dân số tạm trú quy đổi có 138.532 người;

c) Số lượng ĐVHC cấp huyện: có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận và 04 huyện;

d) Số lượng ĐVHC cấp xã: có 80 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp

Tổng số: có 04 ĐVHC cấp xã, trong đó:

a) Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã⁴) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã theo quy định;

b) Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù: có 01 ĐVHC cấp xã (01 phường)⁵.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường Ninh Kiều trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,37 km², quy mô dân số 35.229 người của phường Tân An; toàn bộ diện tích tự nhiên 1,99 km², quy mô dân số 53.607 người của phường Thới Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 2,06 km², quy mô dân số 30.711 người của phường Xuân Khánh thuộc quận Ninh Kiều.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Ninh Kiều có diện tích tự nhiên 5,42 km² (đạt 98,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 119.547 người (đạt 265,66 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Ninh Kiều giáp các phường: Cái Khê, Hưng Phú, Tân An.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Ninh Kiều: tại UBND quận Ninh Kiều hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Tân An, Thới Bình, Xuân Khánh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

⁴ Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

⁵ Phường Tân Lộc có diện tích tự nhiên 33,40 km² và quy mô dân số 35.621 người.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này);

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Ninh Kiều tại UBND quận Ninh Kiều với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Ninh Kiều đi vào hoạt động.

2. Thành lập phường Cái Khế trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,79 km², quy mô dân số 27.271 người của phường An Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 6,42 km², quy mô dân số 30.087 người của phường Cái Khế thuộc quận Ninh Kiều và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào Cái Khế.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Cái Khế có diện tích tự nhiên 10,04 km² (đạt 182,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 57.688 người (đạt 128,20 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Cái Khế giáp các phường: Bình Thủy, Tân An, Ninh Kiều, Hưng Phú và tỉnh Vĩnh Long;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Cái Khế: tại UBND phường An Hòa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: An Hòa, Cái Khế, Bùi Hữu Nghĩa có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Việc điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường Cái Khế nhằm giải quyết bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC do

phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Cái Khế tại UBND phường An Hòa với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Cái Khế đi vào hoạt động.

3. Thành lập phường Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 4,67 km², quy mô dân số 42.509 người của phường An Khánh và toàn bộ diện tích tự nhiên 3,39 km², quy mô dân số 43.488 người của phường Hưng Lợi thuộc quận Ninh Kiều.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Tân An có diện tích tự nhiên 8,06 km² (đạt 146,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 85.997 người (đạt 191,10 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Tân An giáp các phường: Cái Khế, Ninh Kiều, An Bình, Long Xuyên, Bình Thủy, Hưng Phú và Cái Răng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân An: tại UBND phường Hưng Lợi hiện nay;

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: An Khánh, Hưng Lợi có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: do tên địa danh “Tân An” đã có lịch sử hình thành lâu đời, đã gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của thành phố Cần Thơ. Theo “Gia

Định thành thông chí, địa bàn An Giang nằm trên 02 huyện: Vĩnh An và Vĩnh Định thuộc phủ Vĩnh Thanh. Trong Huyện Vĩnh Định có tổng Định Bảo với 08 thôn (Nhơn ái, Tân An, Tân Lợi, Tân Thạnh Đông, Thới Bình, Thường Thạnh, Trường Thành; Trường Thạnh), thời kỳ này thôn Tân An thuộc tổng Định Bảo có ranh giới phía Đông giáp địa phận thôn Đông Phú (tổng Định An); phía Tây giáp địa phận thôn Thới Bình, lại giáp với thôn Bình Thủy (Tổng Định Thới); phía Nam giáp địa phận thôn Thường Thạnh và Nhơn Ái, phía Bắc giáp sông. Năm 1897 thời Pháp Thuộc Tổng Định Bảo có 11 làng: Mỹ Khánh, Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Phú Lợi, Tân An, Tân Thạnh Đông, Thạnh An, Thạnh Mỹ, Thới Bình, Thường Thạnh, Thường Thạnh Đông. Việc đặt tên ĐVHC phường mới thành lập thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Tân An tại UBND phường Hưng Lợi với lý do đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Tân An đi vào hoạt động.

4. Thành lập phường An Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,21 km², quy mô dân số 32.436 người của phường An Bình thuộc quận Ninh Kiều; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An Bình.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường An Bình có diện tích tự nhiên 18,39 km² (đạt 334,36 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 50.150 người (đạt 111,44 % so với tiêu chuẩn);

- Phường An Bình giáp các phường: Tân An, Cái Răng, Long Tuyền và các xã: Nhơn Ái, Phong Điền;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Bình: tại UBND phường An Bình hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: An Bình, Long Tuyền và xã Mỹ Khánh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An Bình là cần thiết nhằm mở rộng không gian phát triển đô thị của phường An Bình mới thành lập, góp phần tăng quy mô ĐVHC, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời nhằm giải quyết bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC do phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, theo Lý lịch di tích lịch sử Lộ Vòng Cung Cần Thơ đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 677/QĐ-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2013, có nêu: Lộ Vòng Cung có chiều dài gần 30 km nối Quốc lộ 1A từ cầu Cái Răng (khu vực xã An Bình nay thuộc phường An Bình, quận Ninh Kiều) vào huyện Phong Điền, đi qua phường An Bình, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy và các xã: Mỹ Khánh, Nhơn Ái, Tân Thới, Giai Xuân, huyện Phong Điền và kết thúc tại lộ rẽ Ba Se, phường Phước Thới, quận Ô Môn. Hiện nay, địa điểm xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa Lộ Vòng Cung Cần Thơ tọa lạc tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường An Bình tại UBND phường An Bình với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường An Bình đi vào hoạt động.

5. Thành lập phường Thới An Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 6,48 km², quy mô dân số 9.358 người của phường Trà An, toàn bộ diện tích tự nhiên 12,10 km², quy mô dân số 13.739 người của phường Thới An Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,46 km², quy mô dân số 16.304 người của phường Trà Nóc thuộc quận Bình Thủy.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Thới An Đông có diện tích tự nhiên 25,04 km², (đạt 455,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 39.401 người (đạt 87,56 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Thới An Đông giáp các phường: Phước Thới, Bình Thủy, Long Tuyền, xã Phong Điền và tỉnh Vĩnh Long;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thới An Đông: tại UBND phường Thới An Đông hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Trà An, Thới An Đông, Trà Nóc có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này).

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thới An Đông tại UBND phường Thới An Đông với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thới An Đông đi vào hoạt động.

6. Thành lập phường Bình Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 3,82 km², quy mô dân số 27.193 người của phường An Thới; toàn bộ diện tích tự nhiên 6,02 km², quy mô dân số 23.416 người của phường Bình Thủy và toàn bộ diện tích tự nhiên 5,33 km², quy mô dân số 11.874 người của phường Bùi Hữu Nghĩa thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh⁶ theo quy định tại khoản 2 mục I phần III văn bản này.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Bình Thủy có diện tích tự nhiên 15,17 km² (đạt 275,82 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 62.483 người (đạt 138,85 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Bình Thủy giáp các phường: Thới An Đông, Cái Khế, Tân An, Long Tuyền và tỉnh Vĩnh Long;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Bình Thủy: tại UBND quận Bình Thủy hiện nay.

⁶ Một phần diện tích tự nhiên: 1,83 km², dân số: 330 người của Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) về phường Cái Khế.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: An Thái, Bình Thủy, Bùi Hữu Nghĩa có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Bình Thủy tại UBND quận Bình Thủy với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Bình Thủy đi vào hoạt động.

7. Thành lập phường Long Tuyền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 14,30 km², quy mô dân số 21.568 người của phường Long Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,18 km², quy mô dân số 23.724 người của phường Long Tuyền thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh⁷ theo quy định tại khoản 4 mục I phần III văn bản này.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Long Tuyền có diện tích tự nhiên 28,48 km² (đạt 517,82 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 45.292 người (đạt 100,65 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Long Tuyền giáp các phường: Thái An Đông, Bình Thủy, Tân An, An Bình và xã Phong Điền;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Long Tuyền: tại UBND phường Long Tuyền hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Long Hòa, Long Tuyền có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong

⁷ Một phần diện tích tự nhiên: 0,35 km², dân số: 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thướng A) về phường An Bình.

tục, tín ngưỡng và điều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Long Tuyền tại UBND phường Long Tuyền với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Long Tuyền đi vào hoạt động.

8. Thành lập phường Cái Răng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 2,43 km², quy mô dân số 21.626 người của phường Lê Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,66 km², quy mô dân số 21.558 người của phường Thường Thạnh; toàn bộ diện tích tự nhiên 4,66 km², quy mô dân số 7.423 người của phường Ba Láng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,13 km², quy mô dân số 20.499 người của phường Hưng Thạnh thuộc quận Cái Răng.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Cái Răng có diện tích tự nhiên 26,88 km² (đạt 488,73 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 71.106 người (đạt 158,01 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Cái Răng giáp các phường: An Bình, Tân An, Hưng Phú, Nhơn Ái và tỉnh Hậu Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Cái Răng: tại Quận ủy - UBND quận Cái Răng (cũ).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Lê Bình, Thường Thạnh, Hưng Thạnh, Ba Láng có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và điều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Cái Răng tại Quận ủy - UBND quận Cái Răng (cũ) với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Cái Răng đi vào hoạt động.

9. Thành lập phường Hưng Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,90 km², quy mô dân số 12.183 người của phường Tân Phú; toàn bộ diện tích tự nhiên 21,33 km², quy mô dân số 25.347 người của phường Phú Thứ và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,70 km², quy mô dân số 21.013 người của phường Hưng Phú thuộc quận Cái Răng.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Hưng Phú có diện tích tự nhiên 40,93 km² (đạt 744,18% so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 58.543 người (đạt 130,10% so với tiêu chuẩn);

- Phường Hưng Phú giáp các phường: Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, Cái Răng và tỉnh Hậu Giang, tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hưng Phú: tại UBND quận Cái Răng (mới).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Tân Phú, Phú Thứ, Hưng Phú có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung

tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Hưng Phú tại UBND quận Cái Răng (mới) với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Hưng Phú đi vào hoạt động.

10. Thành lập phường Ô Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,80 km², quy mô dân số 25.591 người của phường Châu Văn Liêm; toàn bộ diện tích tự nhiên 7,44 km², quy mô dân số 8.327 người của phường Thới Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,78 km², quy mô dân số 25.681 người của phường Thới An thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,67 km², quy mô dân số 13.813 người của xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai để nhập vào phường Ô Môn.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Ô Môn có diện tích tự nhiên 54,69 km² (đạt 994,36 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 73.412 người (đạt 163,14 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Ô Môn giáp các phường: Thới Long, Phước Thới, xã Định Môn và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Ô Môn: tại UBND quận Ô Môn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Châu Văn Liêm, Thới An, Thới Hòa thuộc quận Ô Môn và xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của

phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Ô Môn tại UBND quận Ô Môn với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Ô Môn đi vào hoạt động.

11. Thành lập phường Thới Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,12 km², quy mô dân số 16.487 người của phường Long Hưng; toàn bộ diện tích tự nhiên 20,66 km², quy mô dân số 24.506 người của phường Thới Long thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 15,32 km², quy mô dân số 11.986 người của phường Tân Hưng thuộc quận Thốt Nốt.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Thới Long có diện tích tự nhiên 54,10 km² (đạt 983,64 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 52.979 người (đạt 117,73 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Thới Long giáp các phường: Ô Môn, Thuận Hưng, Tân Lộc và các xã: Thới Hưng, Trung Hưng, Định Môn và tỉnh Đồng Tháp;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thới Long: tại UBND phường Long Hưng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Long Hưng, Thới Long, Tân Hưng có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thới Long tại UBND phường Long Hưng với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thới Long đi vào hoạt động.

12. Thành lập phường Phước Thới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,00 km², quy mô dân số 19.347 người của phường Trường Lạc và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,11 km², quy mô dân số 27.441 người của phường Phước Thới thuộc quận Ô Môn.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Phước Thới có diện tích tự nhiên 53,11 km² (đạt 965,64 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 46.788 người (đạt 103,97 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Phước Thới giáp các phường: Ô Môn, Thới An Đông, xã Phong Điền, xã Định Môn, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Phước Thới: tại UBND phường Phước Thới hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Phước Thới, phường Trường Lạc có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025'

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Phước Thới tại UBND phường Phước Thới với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Phước Thới đi vào hoạt động.

13. Thành lập phường Trung Nhứt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km², quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,75 km², quy mô dân số 13.770 người của phường Trung Nhứt thuộc quận Thốt Nốt và toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km², quy mô dân số 11.758 người của xã Trung An thuộc huyện Cờ Đỏ để nhập vào phường Trung Nhứt.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Trung Nhứt có diện tích tự nhiên 30,84 km² (đạt 560,73 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.469 người (đạt 83,26 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Trung Nhứt giáp các phường: Thốt Nốt, Thuận Hưng và các xã: Trung Hưng, Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trinh;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Trung Nhứt: tại UBND phường Thạnh Hòa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km², quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa thuộc quận Thốt Nốt và toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km², quy mô dân số 11.758 người của xã Trung An thuộc huyện Cờ Đỏ để nhập vào phường Trung Nhứt là cần thiết nhằm mở rộng không gian phát triển đô thị của phường Trung Nhứt mới thành lập, góp phần tăng quy mô ĐVHC, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời trước đây phường Thạnh Hòa được thành lập trên cơ sở điều chỉnh 556,64 ha diện tích tự nhiên và 5.377 nhân khẩu của xã Trung Nhứt; 186 ha diện tích tự nhiên và 2.755 nhân khẩu còn lại của xã Trung An; thành lập phường Trung Nhứt thuộc quận Thốt Nốt trên cơ sở 1.123,30 ha diện tích tự nhiên và 12.708 nhân khẩu còn lại của xã Trung Nhứt theo Nghị định số 12/NĐ-CP ngày 23/12/2008 của Chính phủ;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, định hướng về tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này).

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Trung Nhứt tại UBND phường Thạnh Hòa với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Trung Nhứt đi vào hoạt động.

14. Thành lập phường Thốt Nốt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,07 km², quy mô dân số 15.850 người của phường Thuận An; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 25.146 người của phường Thới Thuận và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,71 km², quy mô dân số 20.391 người của phường

Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt sau khi điều chỉnh⁸ theo quy định tại khoản 15 mục I phần III văn bản này.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Thốt Nốt có diện tích tự nhiên 23,61 km² (đạt 429,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 61.387 người (đạt 136,42 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Thốt Nốt giáp các phường: Tân Lộc, Trung Nhứt, xã Vĩnh Trinh, tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thốt Nốt: tại Quận ủy Thốt Nốt hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Thuận An, Thới Thuận, Thốt Nốt có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thốt Nốt tại Quận ủy Thốt Nốt với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thốt Nốt đi vào hoạt động.

15. Thành lập phường Thuận Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 15,14 km², quy mô dân số 28.840 người của phường Trung Kiên; toàn bộ diện tích tự nhiên 15,05 km², quy mô dân số 23.249 người của phường Thuận Hưng và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người (khu vực Phụng Thạnh 1) thuộc phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.

a) Kết quả sau sắp xếp:

⁸ Một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người của phường Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.

- Phường Thuận Hưng có diện tích tự nhiên 31,13 km² (đạt 566,0 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 56.878 người (đạt 126,40 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Thuận Hưng giáp các phường: Tân Lộc, Thới Long, Trung Nhứt, Thốt Nốt và xã Trung Hưng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thuận Hưng: tại UBND quận Thốt Nốt hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các phường: Thuận Hưng, Trung Kiên và một phần của Thốt Nốt có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đồng thời nhằm giải quyết bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC và điều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thuận Hưng tại UBND quận Thốt Nốt với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thuận Hưng đi vào hoạt động.

16. Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 33,40 km², quy mô dân số 35.621 người hiện có của phường Tân Lộc thuộc huyện Thốt Nốt.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Tân Lộc có diện tích tự nhiên 33,40 km² (đạt 607,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.621 người (đạt 79,16 % so với tiêu chuẩn);

- Phường Tân Lộc giáp các phường: Thới Long, Thuận Hưng, Thốt Nốt và tỉnh Đồng Tháp;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân Lộc: tại UBND phường Tân Lộc hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Phường Tân Lộc là một Cù lao được Sông Hậu bao bọc xung quanh (phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Đông tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp; phía Tây giáp phường Thuận An, phường Thốt Nốt, phường Trung Kiên, phường Thuận Hưng thuộc quận Thốt Nốt (cũ) và phường Thới Long thuộc quận Ô Môn (cũ); phía Nam giáp phường Thới Long - quận Ô Môn (cũ). Đây là ĐVHC cấp xã duy nhất của thành phố Cần Thơ có yếu tố đặc thù về vị trí địa lý biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối với các ĐVHC liền kề khác của quận Thốt Nốt và các địa phương khác. Việc đi lại giao thương với các phường phải qua các đò và phà, trên toàn địa bàn phường cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu nhất là hệ thống giao thông;

+ Đặc biệt hơn, ĐVHC phường Tân Lộc lại mang nhiều yếu tố đặc thù của địa phương cần được bảo tồn, gìn giữ và cần có sự định hướng phát triển riêng biệt như: quá trình khai phá, sinh sống, định cư của người dân địa phương, truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tập quán sản xuất kinh doanh,... đã hình thành từ rất lâu, có nhiều nét đặc sắc, chứa đựng yếu tố bản địa riêng của địa phương. Trường hợp nếu sắp xếp, điều chỉnh, sáp nhập ĐVHC phường Tân Lộc với các ĐVHC liền kề khác sẽ không đảm bảo phù hợp với các yếu tố đặc thù nêu trên của địa phương, sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của ĐVHC phường mới sau sắp xếp;

+ Do đó, giữ nguyên trạng để thành lập ĐVHC cấp cơ sở mới và lấy tên là phường Tân Lộc nhằm đảm bảo sự ổn định của ĐVHC phường.

- Về tên gọi: giữ nguyên tên ĐVHC cấp xã là phường Tân Lộc hiện nay;

- Về trụ sở: đặt tại UBND phường Tân Lộc hiện nay, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Tân Lộc đi vào hoạt động.

17. Thành lập xã Phong Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,82 km², quy mô dân số 18.150 người của xã Tân Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 19,63 km², quy mô dân số 19.234 người của xã Giai Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,13 km², quy mô dân số 14.565 người của thị trấn Phong Điền thuộc huyện Phong Điền.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Phong Điền có diện tích tự nhiên 45,58 km² (đạt 151,93 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 51.949 người (đạt 324,68 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Phong Điền giáp các phường: Phước Thới, Thới An Đông, Long Tuyền, An Bình và các xã: Nhơn Ái, Trường Long, Định Môn;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phong Điền: tại Huyện ủy Phong Điền hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Tân Thới, Giai Xuân và thị trấn Phong Điền có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy

định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Phong Điền tại Huyện ủy Phong Điền với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Phong Điền đi vào hoạt động.

18. Thành lập xã Nhơn Ái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,28 km², quy mô dân số 17.664 người của xã Nhơn Ái và toàn bộ diện tích tự nhiên 21,88 km², quy mô dân số 23.043 người của xã Nhơn Nghĩa thuộc huyện Phong Điền.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Nhơn Ái có diện tích tự nhiên 38,16 km² (đạt 127,20 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.707 người (đạt 254,42 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Nhơn Ái giáp các phường: An Bình, Cái Răng và các xã: Trường Long, Phong Điền và tỉnh Hậu Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nhơn Ái: tại UBND xã Nhơn Nghĩa hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung

tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Nhơn Ái tại UBND xã Nhơn Nghĩa với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Nhơn Ái đi vào hoạt động.

19. Thành lập xã Trường Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người hiện có của xã Trường Long thuộc huyện Phong Điền.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km² (đạt 103,37 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.064 người (đạt 150,40 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Trường Long giáp các xã: Nhơn Ái, Phong Điền, Định Môn và tỉnh Hậu Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trường Long: tại UBND xã Trường Long hiện nay;

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

- Về tên gọi: giữ nguyên tên ĐVHC cấp xã là xã Trường Long hiện nay;

- Về trụ sở: đặt tại UBND xã Trường Long hiện tại, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Trường Long đi vào hoạt động.

20. Thành lập xã Thới Lai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,13 km², quy mô dân số 8.873 người của xã Thới Tân, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,96 km², quy mô dân số 14.285 người của xã Trường Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,69 km², quy mô dân số 13.213 người của thị trấn Thới Lai thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thới Lai có diện tích tự nhiên 50,78 km² (đạt 169,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.371 người (đạt 227,32 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Thới Lai giáp các xã: Định Môn, Trường Xuân, Đông Thuận và Đông Hiệp;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thới Lai: tại Huyện ủy Thới Lai hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Thới Tân, Trường Thắng và thị trấn Thới Lai có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Thới Lai tại Huyện ủy Thới Lai với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thới Lai đi vào hoạt động.

21. Thành lập xã Đông Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 29,60 km², quy mô dân số 11.467 người của xã Đông Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 31,29 km², quy mô dân số 13.119 người của xã Đông Thuận thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Đông Thuận có diện tích tự nhiên 60,89 km² (đạt 202,97 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.586 người (đạt 153,66 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Đông Thuận giáp các xã: Trường Xuân, Thới Lai, Đông Hiệp, Cờ Đỏ và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đông Thuận: tại UBND xã Đông Thuận hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Đông Bình, Đông Thuận có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Đông Thuận tại UBND xã Đông Thuận với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Đông Thuận đi vào hoạt động.

22. Thành lập xã Trường Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,68 km², quy mô dân số 9.137 người của xã Trường Xuân A, toàn bộ diện tích tự nhiên 20,27 km², quy mô dân số 9.435 người của xã Trường Xuân B và toàn bộ diện tích tự nhiên 28,99 km², quy mô dân số 17.833 người của xã Trường Xuân thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Trường Xuân có diện tích tự nhiên 67,94 km² (đạt 226,47 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.405 người (đạt 227,53 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Trường Xuân giáp các xã: Đông Thuận, Thới Lai, Định Môn, tỉnh Hậu Giang và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trường Xuân: tại UBND xã Trường Xuân hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Trường Xuân A, Trường Xuân B, Trường Xuân có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Trường Xuân tại UBND xã Trường Xuân với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Trường Xuân đi vào hoạt động.

23. Thành lập xã Định Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,35 km², quy mô dân số 9.278 người của xã Tân Thạnh, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,27 km², quy mô dân số 13.955 người của xã Định Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 19,47 km², quy mô dân số 14.569 người của xã Trường Thành thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Định Môn có diện tích tự nhiên 59,09 km² (đạt 196,97 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.802 người (đạt 236,26 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Định Môn giáp các phường: Ô Môn, Phước Thới, Thới Long và các xã: Phong Điền, Trường Long, Thới Lai, Trường Xuân, Đông Hiệp, Thới Hưng và tỉnh Hậu Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Định Môn: tại UBND xã Định Môn hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Tân Thạnh, Định Môn, Trường Thành có vị trí địa lý liên kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Định Môn tại UBND xã Định Môn với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Định Môn đi vào hoạt động.

24. Thành lập xã Cờ Đỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 19,54 km², quy mô dân số 7.147 người của xã Thới Đông; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,75 km², quy mô dân số 10.403 người của xã Thới Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,30 km², quy mô dân số 24.626 người của thị trấn Cờ Đỏ thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Cờ Đỏ có diện tích tự nhiên 44,59 km² (đạt 148,63 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 42.176 người (đạt 263,60 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Cờ Đỏ giáp các xã: Đông Hiệp, Đông Thuận, Thạnh Phú, Thới Hưng và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cờ Đỏ: tại Huyện ủy Cờ Đỏ hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Thới Đông, Thới Xuân và thị trấn Cờ Đỏ có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Cờ Đỏ tại Huyện ủy Cờ Đỏ với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Cờ Đỏ đi vào hoạt động.

25. Thành lập xã Đông Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,26 km², quy mô dân số 6.211 người của xã Đông Thắng; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,35 km², quy mô dân số 8.069 người của xã Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và toàn bộ diện tích tự nhiên 13,64 km², quy mô dân số 8.482 người của xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Đông Hiệp có diện tích tự nhiên 46,25 km² (đạt 154,17 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.762 người (đạt 142,26 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Đông Hiệp giáp các xã: Thới Lai, Định Môn, Thới Hưng, Cờ Đỏ và Đông Thuận;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đông Hiệp: tại UBND xã Đông Hiệp hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Đông Thắng, Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Đông Hiệp tại UBND xã Đông Hiệp với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Đông Hiệp đi vào hoạt động.

26. Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người hiện có của xã Thạnh Phú thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km² (đạt 330,23 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 25.699 người (đạt 160,62 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Thạnh Phú giáp các xã: Trung Hưng, Thới Hưng, Cờ Đỏ, Thạnh An, Thạnh Quới, Vĩnh Thạnh và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thạnh Phú: tại UBND xã Thạnh Phú hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: giữ nguyên tên ĐVHC cấp xã là xã Thạnh Phú hiện nay;

- Về trụ sở: đặt tại UBND xã Thạnh Phú hiện nay, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thạnh Phú đi vào hoạt động.

27. Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người hiện có của xã Thới Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km² (đạt 233,07 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.044 người (đạt 119,03 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Thới Hưng giáp các phường: Thới Long và các xã: Định Môn, Đông Hiệp, Cờ Đỏ, Thạnh Phú và Trung Hưng;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thới Hưng: tại UBND xã Thới Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án: Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

- Về tên gọi: Giữ nguyên tên ĐVHC cấp xã là xã Thới Hưng hiện nay;

- Về trụ sở: đặt tại UBND xã Thới Hưng hiện nay, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thới Hưng đi vào hoạt động.

28. Thành lập xã Trung Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 25,23 km², quy mô dân số 29.422 người của xã Trung Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,84 km², quy mô dân số 25.590 người của xã Trung Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Trung Hưng có diện tích tự nhiên 61,07 km² (đạt 203,57 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 55.012 người (đạt 343,83 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Trung Hưng giáp các phường: Trung Nhứt, Thuận Hưng, Thới Long và các xã: Thới Hưng, Thạnh Phú, Vĩnh Thạnh;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trung Hưng: tại UBND xã Trung Hưng hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

- + Các xã: Trung Thạnh, Trung Hưng có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- + Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình

thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Trung Hưng tại UBND xã Trung Hưng với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Trung Hưng đi vào hoạt động.

29. Thành lập xã Vĩnh Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,27 km², quy mô dân số 14.833 người của xã Thạnh Lộc; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,13 km², quy mô dân số 8.561 người của xã Thạnh Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,50 km², quy mô dân số 7.128 người của thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Vĩnh Thạnh có diện tích tự nhiên 65,90 km² (đạt 219,67 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.522 người (đạt 190,76 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Vĩnh Thạnh giáp các xã: Vĩnh Trinh, Trung Hưng, Thạnh Phú, Thạnh Quới, phường Trung Nhứt và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thạnh: tại UBND huyện Vĩnh Thạnh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

- + Các xã: Thạnh Lộc, Thạnh Mỹ và thị trấn Vĩnh Thạnh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

- + Tiêu chuẩn của DVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thạnh tại UBND huyện Vĩnh Thạnh với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Vĩnh Thạnh đi vào hoạt động.

30. Thành lập xã Vĩnh Trinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,78 km², quy mô dân số 7.616 người của xã Vĩnh Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,23 km², quy mô dân số 19.410 người của xã Vĩnh Trinh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Vĩnh Trinh có diện tích tự nhiên 51,01 km² (đạt 170,03 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.026 người (đạt 168,91 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Vĩnh Trinh giáp các phường: Thốt Nốt, Trung Nhứt, xã Vĩnh Thạnh và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Trinh: tại UBND xã Vĩnh Trinh hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Vĩnh Bình, Vĩnh Trinh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Trinh tại UBND xã Vĩnh Trinh với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Vĩnh Trinh đi vào hoạt động.

31. Thành lập xã Thạnh An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 43,82 km², quy mô dân số 9.335 người của xã Thạnh Lợi và toàn bộ diện tích tự nhiên 23,50 km², quy mô dân số 7.320 người của xã Thạnh Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 18,65 km², quy mô dân số 14.027 người của thị trấn Thạnh An, thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thạnh An có diện tích tự nhiên 85,97 km² (đạt 286,57 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.682 người (đạt 191,76 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Thanh An giáp các xã: Thanh Quới, Thanh Phú và tỉnh An Giang;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh An: tại UBND thị trấn Thanh An hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Thanh Lợi, Thanh Thắng và thị trấn Thanh An có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Thanh An tại UBND thị trấn Thanh An với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thanh An đi vào hoạt động.

32. Thành lập xã Thanh Quới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 22,97 km², quy mô dân số 11.463 người của xã Thanh Tiến; toàn bộ diện tích tự nhiên 45,33 km², quy mô dân số 9.490 người của xã Thanh An và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,56 km², quy mô dân số 18.157 người của xã Thanh Quới thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp:

- Xã Thanh Quới có diện tích tự nhiên 103,86 km² (đạt 346,20 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 39.110 người (đạt 244,44 % so với tiêu chuẩn);

- Xã Thanh Quới giáp các xã: Vĩnh Thạnh, Thanh Phú, Thanh An và tỉnh An Giang;

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh Quới: tại UBND xã Thanh Quới hiện nay.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

- Về phương án:

+ Các xã: Thanh Tiến, Thanh An, Thanh Quới có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định

tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025;

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ;

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Thạnh Quới tại UBND xã Thạnh Quới với lý do của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thạnh An đi vào hoạt động.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Số lượng ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ có 80 ĐVHC cấp xã (gồm: 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ còn 32 ĐVHC cấp xã (gồm 16 phường, 16 xã).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: thành phố Cần Thơ giảm 48 ĐVHC cấp xã. Trong đó: có 17 xã, 22 phường, 05 thị trấn; có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã⁹) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

a) Tổ chức Đảng:

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương để thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy thành phố.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tổ chức theo các quy định của Ủy ban Trung ương

⁹ Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hướng dẫn của các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương.

c) Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp các ĐVHC thực hiện theo quy định của pháp luật về Tổ chức chính quyền địa phương:

** HĐND của ĐVHC cấp xã mới thành lập:*

- Khóa của HĐND được tiếp tục tính theo khóa của HĐND ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi sau sắp xếp;

- Nhập nguyên trạng các Ban của HĐND cấp xã có cùng chức năng, nhiệm vụ với nhau.

** UBND của ĐVHC cấp xã mới thành lập:*

- Rà soát, sắp xếp tổ chức các trường học trên địa bàn ĐVHC thuộc phạm vi sắp xếp để nghiên cứu, điều chỉnh, tổ chức lại mạng lưới các trường học cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC, không làm ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học;

- Rà soát, điều chỉnh, tổ chức lại mạng lưới y tế cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC, duy trì các hoạt động khám, chữa bệnh tại các địa bàn; sau khi thành lập ĐVHC mới, xem xét việc bố trí cơ sở khám, chữa bệnh để phục vụ nhân dân đảm bảo hợp lý, thuận lợi.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Bố trí số lượng CBCC của ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số CBCC có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

b) Bố trí số lượng CBCC của ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số CBCC có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp và số lượng CBCC cấp huyện được bố trí xuống làm việc tại ĐVHC cấp xã mới;

c) Bố trí số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của cơ quan, tổ chức ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

d) Số lượng lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và CBCC, người lao động (NLĐ) của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp được thực hiện theo đúng quy định cấp có thẩm quyền.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Thực hiện bảo lưu các chế độ, chính sách về tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với những người được tiếp tục làm việc nhưng không giữ

các chức vụ trước đây cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử (đối với những người giữ chức vụ do bầu cử) hoặc hết thời hạn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với những người giữ chức vụ do bổ nhiệm). Trường hợp thời hạn còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm dưới 6 tháng thì được bảo lưu tròn 6 tháng. Sau khi hết thời hạn được bảo lưu thì lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) được thực hiện theo chức vụ, chức danh hiện giữ hoặc giải quyết nghỉ chế độ theo quy định;

b) CBCC, NLĐ dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã, tùy từng trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của ĐVHC mới thành lập theo yêu cầu nhiệm vụ hoặc hưởng các chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu, thôi việc, tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ;

c) Căn cứ quy định chế độ, chính sách của Chính phủ, UBND cấp tỉnh kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách tinh giản biên chế đối với CBCC, NLĐ của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC đảm bảo đúng đối tượng và quyền, lợi ích của CBCC, NLĐ chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

2. Cấp chính quyền địa phương nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động, cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ cho hoạt động của ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp;

3. Sắp xếp, bố trí nhà ở công vụ cho đội ngũ CBCC, NLĐ của các ĐVHC cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại ĐVHC mới sau sắp xếp.

VII. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Người dân, CBCC, NLĐ trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy

a) Chỉ đạo, hướng dẫn về việc kiện toàn các chức danh cán bộ; về tổ chức và hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp;

b) Hướng dẫn công tác chuẩn bị đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 đối với ĐVHC cấp xã sau khi được sắp xếp.

2. Sở Nội vụ

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố; đôn đốc sở, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Đề án, đảm bảo đúng tiến độ;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo, hướng dẫn sở, ngành và UBND cấp cơ sở sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và NLĐ sau khi thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC cấp xã;

c) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy xây dựng Kế hoạch, lộ trình thực hiện việc sắp xếp số lượng lãnh đạo, quản lý, số lượng CBCCVC dôi dư gắn với tinh giản biên chế sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã đảm bảo lộ trình quy định của Trung ương;

d) Tham mưu lập thủ tục việc lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC cấp xã; thực hiện phân loại ĐVHC, thực hiện hồ sơ đề nghị xã An toàn khu theo quy định. Đồng thời, theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện của các đơn vị, kịp thời báo cáo đề xuất UBND thành phố những vấn đề phát sinh, vướng mắc;

đ) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và các chính sách đối với người có công,.. sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã và các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn cơ quan, địa phương rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC sau khi thực hiện sắp xếp;

b) Chủ trì, hướng dẫn rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2030 sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; đồng thời, hướng dẫn việc công nhận các xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan;

c) Chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc phối hợp hướng dẫn thực hiện điều chỉnh biên động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đúng theo quy định pháp luật về đất đai.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với các nhiệm vụ có liên quan đến việc quy hoạch của thành phố sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Rà soát, báo cáo đề xuất UBND thành phố tạm dừng phê duyệt, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Tham mưu, hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và việc chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC khi thực hiện sắp xếp;

d) Tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có), báo cáo, tham mưu đề xuất UBND thành phố bố trí nguồn kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

đ) Hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương về dự toán, việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, phương án sử dụng trụ sở công sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC khi thực hiện sắp xếp;

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với sở, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã khi triển khai các nhiệm vụ được giao về thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn thành phố theo quy định;

b) Chủ trì thẩm định, hướng dẫn địa phương rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trình cấp có thẩm quyền theo quy định để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch này với phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố;

c) Chủ trì, tham mưu UBND thành phố các nội dung công việc triển khai theo thẩm quyền và nhiệm vụ của từng sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, phân loại đô thị, chính sách nhà ở đối với CBCCVC và NLĐ chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC cấp xã theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

6. Sở Tư pháp

Hướng dẫn địa phương thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phổ biến pháp luật về đăng ký biến pháp bảo đảm khi thực hiện thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC khi thực hiện sắp xếp.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí, truyền thông/công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, thông tin lưu động và các hình thức tuyên truyền phù hợp khác,... nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, đội ngũ CBCCVC và NLĐ và Nhân dân trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra và phát hiện xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc làm hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị;

c) Chủ trì, hướng dẫn thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và thực hiện việc xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản hoặc di tích lịch sử và các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Công an thành phố

a) Chỉ đạo công tác an ninh, giữ gìn trật tự xã hội của địa phương trong quá trình tiến hành lấy ý kiến cử tri. Kịp thời báo cáo, đề xuất UBND thành phố chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an ninh chính trị trong quá trình sắp xếp ĐVHC cấp xã; chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí số lượng Công an sau sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Hướng dẫn, thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi ĐVHC sau sắp xếp;

c) Tiếp tục duy trì, củng cố lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi sắp xếp ĐVHC; xây dựng Kế hoạch bố trí, sắp xếp đội ngũ công an chính quy sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã;

9. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

a) Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về quốc phòng; hướng dẫn và thực hiện việc rà soát, xác định ĐVHC cấp xã được thành lập mới sau sắp xếp là đơn vị trọng điểm về quốc phòng;

b) Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp dưới phối hợp với UBND cùng cấp xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và hướng dẫn về tổ chức lực lượng dân quân tự vệ sau sắp xếp ĐVHC cấp xã.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với cơ quan, địa phương có liên quan tham mưu UBND thành phố trong việc tổ chức công tác khoa học, công nghệ, thông tin, truyền thông có liên quan để phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước triển khai các nhiệm vụ, công việc thực hiện sắp xếp ĐVHC, hiện đại hóa tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ

chức các cấp trong hệ thống chính trị thành phố.

11. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn việc sắp xếp cơ quan, đơn vị y tế thuộc thẩm quyền quản lý, cán bộ dân số kế hoạch hóa gia đình của địa phương sau sắp xếp ĐVHC cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo rà soát, đề xuất việc sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục công lập của địa phương sau sắp xếp ĐVHC cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

13. Sở, ban, ngành thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu UBND thành phố triển khai các nội dung liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC các cấp theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố;

b) Chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực, phù hợp với việc điều chỉnh, sắp xếp ĐVHC tại thành phố;

c) Hướng dẫn công tác bàn giao, tiếp nhận và chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành; CBCCVC, NLĐ và Nhân dân địa phương trên địa bàn về chủ trương sắp xếp ĐVHC của thành phố;

b) Phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố.

15. UBND quận, huyện

a) Căn cứ chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố, hướng dẫn của Sở Nội vụ và cơ quan liên quan tiến hành rà soát, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và NLĐ sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, lập phương án sắp xếp, bàn giao, quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý tài liệu lưu trữ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương mới thành lập sau sắp xếp;

c) Chỉ đạo cơ quan, địa phương trên địa bàn đảm bảo tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương vẫn thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, thông suốt theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

16. UBND cấp xã

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền việc thực hiện các chủ trương, quy định pháp luật về sắp xếp ĐVHC các cấp nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở địa phương;

b) Chủ động rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ CBCCVC và NLĐ tại ĐVHC cấp cơ sở khi thực hiện sắp xếp; phối hợp thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC;

c) Tạo điều kiện cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC cấp cơ sở mới hình thành sau khi sắp xếp; thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp theo thẩm quyền được quy định;

d) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương đảm bảo liên tục, thông suốt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã.

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Việc thực hiện xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025 là cần thiết, cơ bản đáp ứng theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nhằm để điều chỉnh lại diện tích tự nhiên, dân số cho phù hợp với Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

2. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Trung ương, thành phố. Khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; thành phố Cần Thơ giảm 48 ĐVHC cấp xã (trong đó: có 17 xã, 22 phường, 05 thị trấn; có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã¹⁰) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định); đồng thời, giảm số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên

¹⁰ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31.01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thanh Phú có diện tích tự nhiên 99.07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69.92 km², quy mô dân số 19.044 người.

trách ở cấp xã, tạo điều kiện giảm chi ngân sách nhà nước, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho ĐVHC cấp xã mới thành lập.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025. UBND thành phố Cần Thơ kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBMTTQVN TP và các đoàn thể;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND TP;
- Công an TP;
- Bộ Chỉ huy Quân sự TP;
- VP UBND TP (2AC, 3E);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, LhT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Cảnh Tuyên

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY

(Kèm theo Đề án số/ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	QUẬN NINH KIỀU								
1	Phường Cái Khế	6,42	116,73	30.087	200,58				X
2	Phường An Hòa	1,79	32,55	27.271	181,81				X
3	Phường Xuân Khánh	2,06	37,45	30.711	204,74				X
4	Phường Hưng Lợi	3,39	61,64	43.488	289,92				X
5	Phường An Bình	7,21	131,09	32.436	216,24				X
6	Phường An Khánh	4,67	84,91	42.509	283,39				X
7	Phường Tân An	1,37	24,91	35.229	234,86				X
8	Phường Thới Bình	1,99	36,18	53.607	357,38				X
II	QUẬN BÌNH THỦY								
1	Phường Bình Thủy	6,02	109,45	23.416	156,11				X
2	Phường Long Hòa	14,30	260,00	21.568	143,79				X
3	Phường Long Tuyền	14,53	264,18	23.821	158,81				X
4	Phường Thới An Đông	12,10	220,00	13.739	91,59				X
5	Phường An Thới	3,82	69,45	27.193	181,29				X
6	Phường Bùi Hữu Nghĩa	7,16	130,18	12.204	81,36				X
7	Phường Trà Nóc	6,46	117,45	16.304	108,69				X
8	Phường Trà An	6,48	117,82	9.358	62,39				X
III	QUẬN CÁI RĂNG								

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	Phường Ba Láng	4,66	84,73	7.423	49,49				X
2	Phường Hưng Phú	8,70	158,18	21.013	140,09				X
3	Phường Hưng Thạnh	9,13	166,00	20.499	136,66				X
4	Phường Lê Bình	2,43	44,18	21.626	144,17				X
5	Phường Phú Thứ	21,33	387,82	25.347	168,98				X
6	Phường Tân Phú	10,90	198,18	12.183	81,22				X
7	Phường Thường Thạnh	10,66	193,82	21.558	143,72				X
IV	QUẬN Ô MÔN								
1	Phường Thới An	23,78	432,36	25.681	171,21				X
2	Phường Phước Thới	29,11	529,27	27.441	182,94				X
3	Phường Trường Lạc	24,00	436,36	19.347	128,98				X
4	Phường Châu Văn Liêm	8,80	160,00	25.591	170,61				X
5	Phường Thới Hòa	7,44	135,27	8.327	55,51				X
6	Phường Thới Long	20,66	375,64	24.506	163,37				X
7	Phường Long Hưng	18,12	329,45	16.487	109,91				X
V	QUẬN THỐT NỐT								
1	Phường Thốt Nốt	5,65	102,73	25.180	167,87				X
2	Phường Trung Kiên	15,14	275,27	28.840	192,27				X
3	Phường Tân Lộc	33,40	607,27	35.621	237,47				
4	Phường Thới Thuận	10,83	196,91	25.146	167,64				X
5	Phường Thuận An	8,07	146,73	15.850	105,67				X
6	Phường Trung Nhứt	10,75	195,45	13.770	91,80				X
7	Phường Thạnh Hòa	7,46	135,64	11.941	79,61				X
8	Phường Thuận Hưng	15,05	273,64	23.249	154,99				X
9	Phường Tân Hưng	15,32	278,55	11.986	79,91				X
VI	HUYỆN PHONG ĐIỀN								
1	Thị trấn Phong Điền	8,13	58,07	14.565	182,06				X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2	Xã Giai Xuân	19,63	65,43	19.234	240,43				X
3	Xã Mỹ Khánh	10,83	36,10	17.617	220,21				X
4	Xã Nhơn Nghĩa	21,88	72,93	23.043	288,04				X
5	Xã Tân Thới	17,82	59,40	18.150	226,88				X
6	Xã Trường Long	31,01	103,37	24.064	300,80				
7	Xã Nhơn Ái	16,28	54,27	17.664	220,80				X
VII	HUYỆN THỚI LAI								
1	Thị trấn Thới Lai	9,69	69,21	13.213	165,16				X
2	Xã Định Môn	22,27	74,23	13.955	174,44				X
3	Xã Đông Thuận	31,29	104,30	13.119	163,99				X
4	Xã Đông Bình	29,60	98,67	11.467	143,34				X
5	Xã Xuân Thắng	13,64	45,47	8.482	106,03				X
6	Xã Trường Xuân	28,99	96,63	17.833	222,91				X
7	Xã Trường Xuân A	18,68	62,27	9.137	114,21				X
8	Xã Trường Xuân B	20,27	67,57	9.435	117,94				X
9	Xã Trường Thành	19,47	64,90	14.569	182,11				X
10	Xã Trường Thắng	22,96	76,53	14.285	178,56				X
11	Xã Thới Tân	18,13	60,43	8.873	110,91				X
12	Xã Thới Thạnh	14,67	48,90	13.813	172,66				X
13	Xã Tân Thạnh	17,35	57,83	9.278	115,98				X
VIII	HUYỆN CỜ ĐỎ								
1	Thị trấn Cờ Đỏ	8,30	59,29	24.626	307,83				X
2	Xã Thới Hưng	69,92	233,07	19.044	238,05				
3	Xã Đông Hiệp	16,35	54,50	8.069	100,86				X
4	Xã Đông Thắng	16,26	54,20	6.211	77,64				X
5	Xã Thới Đông	19,54	65,13	7.147	89,34				X
6	Xã Thới Xuân	16,75	55,85	10.403	130,04				X

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
7	Xã Trung Hưng	35,84	119,47	25.590	319,88				X
8	Xã Trung Thạnh	25,23	84,10	29.422	367,78				X
9	Xã Thạnh Phú	99,07	330,23	25.699	321,24				
10	Xã Trung An	12,63	42,10	11.758	146,98				X
IX	HUYỆN VĨNH THẠNH								
1	Thị trấn Thạnh An	18,65	133,21	14.027	175,34				X
2	Thị trấn Vĩnh Thạnh	6,50	46,43	7.128	89,10				X
3	Xã Vĩnh Trinh	29,23	97,43	19.410	242,63				X
4	Xã Thạnh Lộc	36,27	120,90	14.833	185,41				X
5	Xã Thạnh Mỹ	23,13	77,10	8.561	107,01				X
6	Xã Thạnh Quới	35,56	118,53	18.157	226,96				X
7	Xã Vĩnh Bình	21,78	72,60	7.616	95,20				X
8	Xã Thạnh An	45,33	151,10	9.490	118,63				X
9	Xã Thạnh Tiến	22,97	76,57	11.463	143,29				X
10	Xã Thạnh Thắng	23,50	78,33	7.320	91,50				X
11	Xã Thạnh Lợi	43,82	146,07	9.335	116,69				X

Ghi chú: Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THỐNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số/ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Huyện Phong Điền							
1	Xã Trường Long	31,01	103,37	24.064	300,80			
II	Huyện Cờ Đỏ							
1	Xã Thới Hưng	69,92	233,07	19.044	238,05			
2	Xã Thạnh Phú	99,07	330,23	25.699	321,24			
III	Quận Thốt Nốt							
1	Phường Tân Lộc	33,40	607,27	35.621	237,47			

Ghi chú: Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Đề án số/ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Phường		16							
1.1	Phường Ninh Kiều	Thành lập phường Ninh Kiều trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,37 km ² , quy mô dân số 35.229 người của phường Tân An, toàn bộ diện tích tự nhiên 1,99 km ² , quy mô dân số 53.607 người của phường Thới Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 2,06 km ² , quy mô dân số 30.711 người của phường Xuân Khánh thuộc quận Ninh Kiều		5,42	98,55	119.547	265,66			

Số TT	Tên ĐV/HC cấp xã mới	Phương án	Số ĐV/HC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.2	Phường Cái Khế	Thành lập phường Cái Khế trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,79 km ² , quy mô dân số 27.271 người của phường An Hòa, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,42 km ² , quy mô dân số 30.087 người của phường Cái Khế thuộc quận Ninh Kiều và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km ² , quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào Cái Khế.		10,04	182,55	57.688	128,20			
1.3	Phường Tân An	Thành lập phường Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 4,67 km ² , quy mô dân số 42.509 người của phường An Khánh và toàn bộ diện tích tự nhiên 3,39 km ² , quy mô dân số 43.488 người của phường Hưng Lợi thuộc quận Ninh Kiều.		8,06	146,55	85.997	191,10			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.4	Phường An Bình	Thành lập phường An Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,21 km ² , quy mô dân số 32.436 người của phường An Bình thuộc quận Ninh Kiều; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km ² , quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km ² , quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An Bình.		18,39	334,36	50.150	111,44			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
	1	2	3	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
1.5	Phường Thới An Đông	Thành lập phường Thới An Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 6,48 km ² , quy mô dân số 9.358 người của phường Trà An, toàn bộ diện tích tự nhiên 12,10 km ² , quy mô dân số 13.739 người của phường Thới An Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,46 km ² , quy mô dân số 16.304 người của phường Trà Nóc thuộc quận Bình Thủy.		25,04	455,27	39.401	87,56			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.6	Phường Bình Thủy	Thành lập phường Bình Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 3,82 km ² , quy mô dân số 27.193 người của phường An Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,02 km ² , quy mô dân số 23.416 người của phường Bình Thủy và toàn bộ diện tích tự nhiên 5,33 km ² , quy mô dân số 11.874 người của phường Búi Hữu Nghĩa thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh (Một phần diện tích tự nhiên: 1,83 km2, dân số: 330 người của Búi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) về phường Cái Khế)		15,17	275,82	62.483	138,85			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.7	Phường Long Tuyền	Thành lập phường Long Tuyền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 14,30 km ² , quy mô dân số 21.568 người của phường Long Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,18 km ² , quy mô dân số 23.724 người của phường Long Tuyền thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh (Một phần diện tích tự nhiên: 0,35 km2, dân số: 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) về phường An Bình)		28,48	517,82	45.292	100,65			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.8	Phường Cái Răng	Thành lập phường Cái Răng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 2,43 km ² , quy mô dân số 21.626 người của phường Lê Bình, toàn bộ diện tích tự nhiên 10,66 km ² , quy mô dân số 21.558 người của phường Thường Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,66 km ² , quy mô dân số 7.423 người của phường Ba Láng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,13 km ² , quy mô dân số 20.499 người của phường Hưng Thạnh thuộc quận Cái Răng.		26,88	488,73	71.106	158,01			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.9	Phường Hưng Phú	Thành lập phường Hưng Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,90 km ² , quy mô dân số 12.183 người của phường Tân Phú và toàn bộ diện tích tự nhiên 21,33 km ² , quy mô dân số 25.347 người của phường Phú Thới và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,70 km ² , quy mô dân số 21.013 người của phường Hưng Phú thuộc quận Cái Răng.		40,93	744,18	58.543	130,10			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.10	Phường Ô Môn	Thành lập phường Ô Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,80 km ² , quy mô dân số 25.591 người của phường Châu Văn Liêm; toàn bộ diện tích tự nhiên 7,44 km ² , quy mô dân số 8.327 người của phường Thới Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,78 km ² quy mô dân số 25.681 người của phường Thới An thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,67 km ² quy mô dân số 13.813 người của xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai.		54,69	994,36	73.412	163,14			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.11	Phường Thới Long	Thành lập phường Thới Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,12 km ² , quy mô dân số 16.487 người của phường Long Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên 20,66 km ² , quy mô dân số 24.506 người của phường Thới Long thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 15,32 km ² , quy mô dân số 11.986 người của phường Tân Hưng thuộc quận Thốt Nốt		54,10	983,64	52.979	117,73			
1.12	Phường Phước Thới	Thành lập phường Phước Thới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,00 km ² , quy mô dân số 19.347 người của phường Trường Lạc và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,11 km ² , quy mô dân số 27.441 người của phường Phước Thới thuộc quận Ô Môn.		53,11	965,64	46.788	103,97			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.13	Phường Trung Nhứt	Thành lập phường Trung Nhứt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km ² , quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa: toàn bộ diện tích tự nhiên 10,75 km ² , quy mô dân số 13.770 người của phường Trung Nhứt thuộc quận Thốt Nốt và toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km ² , quy mô dân số 11.758 người của xã Trung An thuộc huyện Cờ Đỏ.		30,84	560,73	37.469	83,26			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.14	Phường Thốt Nốt	Thành lập phường Thốt Nốt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,07 km ² , quy mô dân số 15.850 người của phường Thuận An; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km ² , quy mô dân số 25.146 người của phường Thới Thuận và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,71 km ² , quy mô dân số 20.391 người của phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt sau khi điều chỉnh (Một phần diện tích tự nhiên 0,94 km2, quy mô dân số 4.789 người của phường Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng)		23,61	429,27	61.387	136,42			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.15	Phường Thuận Hưng	Thành lập phường Thuận Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 15,14 km ² , quy mô dân số 28.840 người của phường Trung Kiên; toàn bộ diện tích tự nhiên 15,05 km ² , quy mô dân số 23.249 người của phường Thuận Hưng và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km ² , quy mô dân số 4.789 người (khu vực Phụng Thạnh 1) thuộc phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.		31,13	566,00	56.878	126,40			
1.16	Phường Tân Lộc	Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 33,40 km ² quy mô dân số 35.621 người hiện có của phường Tân Lộc thuộc huyện Thốt Nốt.		33,40	607,27	35.621	79,16			
2	Xã		16							

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.1	Xã Phong Điền	Thành lập xã Phong Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,82 km ² , quy mô dân số 18.150 người của xã Tân Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 19,63 km ² , quy mô dân số 19.234 người của xã Giai Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,13 km ² , quy mô dân số 14.565 người của thị trấn Phong Điền thuộc huyện Phong Điền.		45,58	151,93	51.949	324,68			
2.2	Xã Nhơn Ái	Thành lập xã Nhơn Ái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,28 km ² quy mô dân số 17.664 người của xã Nhơn Ái và toàn bộ diện tích tự nhiên 21,88 km ² , quy mô dân số 23.043 người của xã Nhơn Nghĩa thuộc huyện Phong Điền.		38,16	127,20	40.707	254,42			
2.3	Xã Trường Long	Thành lập xã Trường Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 31,01 km ² quy mô dân số 24.064 người hiện có của xã Trường Long thuộc huyện Phong Điền.		31,01	103,37	24.064	150,40			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.4	Xã Thới Lai	Thành lập xã Thới Lai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,13 km ² quy mô dân số 8.873 người của xã Thới Tân, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,96 km ² , quy mô dân số 14.285 người của xã Trường Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,69 km ² , quy mô dân số 13.213 người của thị trấn Thới Lai thuộc huyện Thới Lai.		50,78	169,27	36.371	227,32			
2.5	Xã Đông Thuận	Thành lập xã Đông Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 29,60 km ² , quy mô dân số 11.467 người của xã Đông Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 31,29 km ² , quy mô dân số 13.119 người của xã Đông Thuận thuộc huyện Thới Lai.		60,89	202,97	24.586	153,66			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.6	Xã Trường Xuân	Thành lập xã Trường Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,68 km ² , quy mô dân số 9.137 người của xã Trường Xuân A, toàn bộ diện tích tự nhiên 20,27 km ² , quy mô dân số 9.435 người của xã Trường Xuân B và toàn bộ diện tích tự nhiên 28,99 km ² quy mô dân số 17.833 người của xã Trường Xuân thuộc huyện Thới Lai.		67,94	226,47	36.405	227,53			
2.7	Xã Định Môn	Thành lập xã Định Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,35 km ² , quy mô dân số 9.278 người của xã Tân Thạnh, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,27 km ² , quy mô dân số 13.955 người của xã Định Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 19,47 km ² quy mô dân số 14.569 người của xã Trường Thành thuộc huyện Thới Lai.		59,09	196,97	37.802	236,26			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.8	Xã Cờ Đỏ	Thành lập xã Cờ Đỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 19,54 km ² quy mô dân số 7.147 người của xã Thới Đông; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,75 km ² , quy mô dân số 10.403 người của xã Thới Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,30 km ² , quy mô dân số 24.626 người của thị trấn Cờ Đỏ thuộc huyện Cờ Đỏ.		44,59	148,63	42.176	263,60			
2.9	Xã Đông Hiệp	Thành lập xã Đông Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,26 km ² , quy mô dân số 6.211 người của xã Đông Thắng, toàn bộ diện tích tự nhiên 16,35 km ² , quy mô dân số 8.069 người của xã Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và toàn bộ diện tích tự nhiên 13,64 km ² , quy mô dân số 8.482 người của xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai.		46,25	154,17	22.762	142,26			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.10	Xã Thạnh Phú	Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 99,07 km ² quy mô dân số 25.699 người hiện có của xã Thạnh Phú thuộc huyện Cờ Đỏ.		99,07	330,23	25.699	160,62			
2.11	Xã Thới Hưng	Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 69,92 km ² quy mô dân số 19.044 người hiện có của xã Thới Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.		69,92	233,07	19.044	119,03			
2.12	Xã Trung Hưng	Thành lập xã Trung Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 25,23 km ² , quy mô dân số 29.422 người của xã Trung Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,84 km ² , quy mô dân số 25.590 người của xã Trung Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.		61,07	203,57	55.012	343,83			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.13	Xã Vĩnh Thạnh	Thành lập xã Vĩnh Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,27 km ² , quy mô dân số 14.833 người của xã Thạnh Lộc; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,13 km ² , quy mô dân số 8.561 người của xã Thạnh Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,50 km ² , quy mô dân số 7.128 người của thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		65,90	219,67	30.522	190,76			
2.14	Xã Vĩnh Trinh	Thành lập xã Vĩnh Trinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,78 km ² , quy mô dân số 7.616 người của xã Vĩnh Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,23 km ² , quy mô dân số 19.410 người của xã Vĩnh Trinh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		51,01	170,03	27.026	168,91			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.15	Xã Thạnh An	Thành lập xã Thạnh An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 43,82 km ² , quy mô dân số 9.335 người của xã Thạnh Lợi; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,50 km ² , quy mô dân số 7.320 người của xã Thạnh Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 18,65 km ² , quy mô dân số 14.027 người của thị trấn Thạnh An, thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		85,97	286,57	30.682	191,76			
2.16	Xã Thạnh Quới	Thành lập xã Thạnh Quới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 22,97 km ² , quy mô dân số 11.463 người của xã Thạnh Tiến; toàn bộ diện tích tự nhiên 45,33 km ² , quy mô dân số 9.490 người của xã Thạnh An và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,56 km ² , quy mô dân số 18.157 người của xã Thạnh Quới thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		103,86	346,20	39.110	244,44			
				1440,4		1.498.658				

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BANG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Đề án số/ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	DVHC cấp xã	Số lượng ĐVHC hiện nay	Số lượng ĐVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng ĐVHC sau sắp xếp	Số lượng ĐVHC xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng ĐVHC giảm sau sắp xếp
1	Xã	36	3	0	33	16	0	20
2	Phường	39	1	1	38	16	1	23
3	Thị trấn	5	0	0	5	0	0	5
	Tổng	80	4	1	76	32	1	48

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCCC CẤP XÃ ĐỐI DƯ VÀ PHƯƠNG ÁN
SAU KHI THỰC HIỆN SÁP XẾP ĐVHC CẤP XÃ
(Kèm theo Đề án sốĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố
về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên ĐVHC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng đối dư				Phương án bố trí											
															Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
			Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách				
			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1	ĐVHC cấp xã	1.756	943	813	0	1.228	864	795	0	1.152	0	0	0	0	7	1	0	0	112	49	0	0	745	745	0	0
1	Các xã:	876	492	384	0	601	441	362	0	570	0	0	0	0	4	0	0	0	49	21	0	0	388	341	0	0
1.1	HUYỆN CỐ ĐO	210	120	90	0	150	107	89	0	142	0	0	0	0	0	0	0	0	11	4	0	0	96	85	0	0
1.1.1	Thị trấn Cờ Đỏ	22	12	10		16	11	9		14									1				10	9		
1.1.2	Xã Thanh Phú	22	12	10		18	10	10		17									1	1			9	9		
1.1.3	Xã Thới Sơn Hưng	22	12	10		17	11	10		15									2	1			9	9		
1.1.4	Xã Trung Hưng	22	12	10		17	11	10		17												11	10			
1.1.5	Xã Trung Thành	22	12	10		18	11	10		17									2	1			9	9		
1.1.6	Xã Đông Hiệp	20	12	8		13	11	8		12												11	8			
1.1.7	Xã Đông Thành	20	12	8		12	10	7		12									1				9	7		
1.1.8	Xã Thới Đông	20	12	8		13	11	9		12									1			10	9			
1.1.9	Xã Thới Xuân	20	12	8		13	11	8		13									2	1			9	7		
1.1.10	Xã Trung An	20	12	8		13	10	8		13									1				9	8		
1.2	HUYỆN PHONG ĐIỀN	152	84	68	0	111	75	63	0	108	0	0	0	0	0	0	0	0	10	5	0	0	65	58	0	0
1.2.1	Thị trấn Phong Điền	22	12	10		15	11	0		15									1				10	9		
1.2.2	Xã Giàu Xuân	22	12	10		16	10	8		16									1	1			9	7		

Số TT	Tên ĐVHC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng đối dư				Phương án bổ tri											
			Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng đối dư				Tinh giảm biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác							
			Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1.2.3	Xã Trương Long	22	12	10		17	11	10		17									4	1			7		9	
1.2.4	Xã Nhon Ai	22	12	10		16	11	10		15									1				10	10		
1.2.5	Xã Nhon Nậu	22	12	10		17	12	9		15									1	1			11	5		
1.2.6	Xã Tân Hội	22	12	10		16	10	9		16									1	1			9	8		
1.2.7	Xã Mỹ Khánh	20	12	5		14	10	8		14									1	1			9	7		
1.3	HUYỆN THỚI LẠ	278	156	122	9	182	139	111	0	177	0	0	0	0	3	0	0	0	13	5	0	0	123	106	0	0
1.3.1	Thị trấn Thới Lư	22	12	10		15	11	10		15									1				10	10		
1.3.2	Xã Định Môn	22	12	10		15	11	8		14													11	8		
1.3.3	Xã Đông Bình	22	12	10		14	10	8		14					1				1	2			8	6		
1.3.4	Xã Đông Thuận	22	12	10		15	11	9		14									1	1			10	8		
1.3.5	Xã Tân Thành	22	12	10		14	11	8		13									3	0			8	8		
1.3.6	Xã Thới Thành	22	12	10		15	10	10		14									2	0			8	10		
1.3.7	Xã Trương Thành	22	12	10		13	11	9		14					1				1				10	9		
1.3.8	Xã Trương Thắng	22	12	10		15	11	9		15									1	0			16	9		
1.3.9	Xã Trương Xuân	22	12	10		16	11	9		16													11	9		
1.3.10	Xã Thới Tân	20	12	8		12	10	7		12													10	7		
1.3.11	Xã Trương Xuân A	20	12	8		12	11	8		12									3	1			8	7		
1.3.12	Xã Trương Xuân B	20	12	8		12	11	8		12					1					1			10	7		
1.3.13	Xã Xuân Thắng	20	12	8		12	10	8		12													9	8		
1.4	HUYỆN VINH THẠNH	236	132	104	0	158	120	99	0	143	6	0	0	0	1	0	0	0	15	7	0	0	104	92	0	0

Số TT	Tên DVHC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dôi dư				Phương án bổ trí											
			Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dôi dư				Nghỉ hưu chế độ				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác			
			Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1.4.1	Thị trấn Thanh An	22	12	10		15	11	10		11					1				2	1			8	9		
1.4.2	Xã Thanh An	22	12	10		14	11	9		14									1	0			10	9		
1.4.3	Xã Thanh Lộc	22	12	10		15	10	10		13									1	1			9	9		
1.4.4	Xã Thanh Lợi	22	12	10		14	11	8		12									5	2			6	6		
1.4.5	Xã Thanh Mỹ	20	12	8		14	11	8		14									1	1			10	7		
1.4.6	Xã Thanh Quơn	22	12	10		15	11	10		15										1			11	8		
1.4.7	Xã Thanh Thắng	22	12	10		14	11	10		13									3				8	10		
1.4.8	Xã Thanh Tiến	22	12	10		14	11	9		12									1	0			10	9		
1.4.9	Xã Vĩnh Trinh	22	12	10		15	11	9		15													11	10		
1.4.10	Xã Vĩnh Bình	20	12	8		14	11	8		14									0	1			11	7		
1.4.11	Thị trấn Vĩnh Thanh	20	12	8		14	11	8		10									1	0			10	8		
2	Các phường:	880	451	429	0	627	423	433	0	582	0	0	0	0	3	1	0	0	63	28	0	0	357	404	0	0
2.1	QUẬN NINH KIỀU	182	88	94	0	140	91	118	0	126	0	0	0	0	0	0	0	0	12	8	0	0	79	110	0	0
2.1.1	Phường An Bình	23	11	12		16	10	13		15									1	2			9	11		
2.1.2	Phường An Hòa	23	11	12		16	10	12		13									3	1			7	11		
2.1.3	Phường An Khánh	23	11	12		17	10	12		14									1	1			9	10		
2.1.4	Phường Cai Khê	23	11	12		16	11	12		11									1	0			10	11		
2.1.5	Phường Hùng Lợi	23	11	12		17	10	12		15									1				9	12		
2.1.6	Phường Thới Bình	23	11	12		26	20	35		31									4	2			16	33		
2.1.7	Phường Xuân Khánh	23	11	12		16	10	12		12										2			10	10		

Số TT	Tên ĐVHC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dôi dư				Nghỉ hưu chế độ						Tinh giảm biên chế hoặc thôi việc						Phương án khác			
			Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHD không chuyên trách					
	I		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25				
2.1.8	Phường Tân An	21	11	10		16	10	10		15										1			9	12						
2.2	QUẬN BÌNH THỦY	184	96	88	0	119	83	83	0	109	0	0	0	0	6	0	0	6	15	6	0	0	71	77	0	0				
2.2.1	Phường An Thới	23	12	11		15	10	11		15										1			9	11						
2.2.2	Phường Bình Thủy	23	12	11		15	11	11		13										4	4		7	7						
2.2.3	Phường Bàu Hửu Nghĩa	23	12	11		14	11	11		14										2	1		9	10						
2.2.4	Phường Long Hòa	23	12	11		16	11	11		15										2			9	11						
2.2.5	Phường Long Xuyên	23	12	11		16	11	10		15										1	0		10	10						
2.2.6	Phường Thới An Đông	23	12	11		15	11	10		14										3	1		8	9						
2.2.7	Phường Trà An	23	12	11		14	10	8		10										1			9	8						
2.2.8	Phường Trà Nóc	23	12	11		14	11	11		13										1			10	11						
2.3	QUẬN CÁI RĂNG	159	84	75	0	106	76	66	0	100	0	0	0	0	2	1	0	0	8	3	0	0	66	62	0	0				
2.3.1	Phường Hưng Phú	23	12	11		18	11	10		15										3			8	10						
2.3.2	Phường Hưng Thạnh	23	12	11		15	11	9		13												11	9							
2.3.3	Phường Lê Bình	23	12	11		15	10	10		14								2				10	8							
2.3.4	Phường Phú Thứ	23	12	11		18	11	11		18					2				1	1		8	10							
2.3.5	Phường Tân Phú	23	12	11		14	11	11		14									1	0		10	11							
2.3.6	Phường Thường Thạnh	23	12	11		14	11	8		14									1	0		10	8							
2.3.7	Phường Ba Láng	21	12	9		12	11	7		12						1			2			9	6							
2.4	QUẬN Ô MŨN	159	84	75	0	119	74	72	0	114	0	0	0	0	0	0	0	0	11	8	0	0	63	64	0	0				
2.4.1	Phường Châu Văn Liêm	23	12	11		17	10	11		16									1			9	11							

Số TT	Tên ĐVHC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dãi dư				Phương án bố trí											
			Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dãi dư				Tinh giản biên chế hoặc thôi việc				Phương án khác							
			Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHD không chuyên trách				
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
2.4.2	Phường Long Hưng	23	12	11		17	11	11		17									1	2			10	9		
2.4.3	Phường Phước Thọ	23	12	11		18	11	9		17									2	1			9	8		
2.4.4	Phường Thới An	23	12	11		19	11	10		18									4	1			7	9		
2.4.5	Phường Thới Long	23	12	11		17	10	11		17									1	2			9	9		
2.4.6	Phường Tường Lạc	23	12	11		18	10	11		17									1	2			9	9		
2.4.7	Phường Thới Hòa	21	12	9		14	11	9		12									1	0			10	9		
2.5	QUẬN THỚI NGOT	196	99	97	0	143	96	94	0	133	0	0	0	0	1	0	0	0	17	3	0	0	78	91	0	0
2.5.1	Phường Tân Hưng	21	11	10		15	11	10		13													11	10		
2.5.2	Phường Tân Lộc	22	11	11		19	11	10		18									3				8	10		
2.5.3	Phường Thành Hòa	22	11	11		15	11	11		14									4				7	11		
2.5.4	Phường Thái Nội	22	11	11		16	11	11		15									5				6	11		
2.5.5	Phường Thới Thuận	22	11	11		16	11	10		16									3				8	10		
2.5.6	Phường Thuận An	21	11	10		14	10	10		14										1			10	9		
2.5.7	Phường Thuận Hưng	22	11	11		16	11	10		14										1			11	9		
2.5.8	Phường Trưng Kiên	22	11	11		17	10	11		16					1					1			9	10		
2.5.9	Phường Trưng Nhứt	22	11	11		15	10	11		13									2	0			8	11		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠỊ ĐVHC CẤP XÃ SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số/ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã năm 2025)

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
1	Phường Ninh Kiều	3	0	3						3	Trụ sở UBND quận Ninh Kiều
2	Phường Cái Khế	2	1	1						1	
3	Phường Tân An	2	1	1						1	
4	Phường An Bình	2	1	1						1	
5	Phường Thới An Đông	3	1	2						2	
6	Phường Bình Thủy	3	0	3						3	Trụ sở UBND quận Bình Thủy
7	Phường Long Tuyền	2	1	1						1	
8	Phường Cái Răng	4	0	4						4	Trụ sở Quận ủy - UBND quận Cái Răng (cũ)

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
9	Phường Hưng Phú	3	0	3						3	Trụ sở UBND quận Cái Răng (mới)
10	Phường Ô Môn	4	0	4						4	Trụ sở UBND quận Ô Môn
11	Phường Thới Long	3	1	2						2	
12	Phường Phước Thới	2	1	1						1	
13	Phường Trung Nhứt	3	1	1						1	
14	Phường Thốt Nốt	3	0	3						3	Trụ sở Quận ủy Thốt Nốt
15	Phường Thuận Hưng	2	0	2						2	Trụ sở UBND quận Thốt Nốt
16	Phường Tân Lộc	1	1	0						0	
17	Xã Phong Điền	3	0	3						3	Trụ sở Huyện ủy Phong Điền
18	Xã Nhơn Ái	2	1	1						1	
19	Xã Trường Long	1	1	0						0	
20	Xã Thới Lai	3	0	3						3	Trụ sở Huyện ủy Thới Lai

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Dôi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
21	Xã Đông Thuận	2	1	1						1	
22	Xã Trường Xuân	3	1	2						2	
23	Xã Định Môn	3	1	2						2	
24	Xã Cờ Đỏ	3	0	3						3	Trụ sở Huyện ủy Cờ Đỏ
25	Xã Đông Hiệp	3	1	2						2	
26	Xã Thạnh Phú	1	1	0						0	
27	Xã Thới Hưng	1	1	0						0	
28	Xã Trung Hưng	2	1	1						1	
29	Xã Vĩnh Thạnh	3	0	3						3	Trụ sở UBND huyện Vĩnh Thạnh
30	Xã Vĩnh Trinh	2	1	1						1	
31	Xã Thạnh An	3	1	2						2	
32	Xã Thạnh Quới	2	1	1						1	
	Tổng	80	21	57						57	